

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu NSNN; thu, chi NSDP 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố khoá XXII, kỳ họp thứ 4: số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 về việc phê chuẩn dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP năm 2022 và số 38/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 về việc phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách thành phố Thanh Hóa năm 2022;

UBND thành phố báo cáo kết quả triển khai tổ chức thực hiện với kết quả cụ thể như sau:

I. Ước thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022:

1. Về thu NSNN và thu NSDP:

1.1. Thu NSNN:

- Dự toán tỉnh giao: **2.501.173 triệu đồng.**
- Dự toán thành phố giao: **3.112.606 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt: **1.828.124 triệu đồng;** đạt 73% dự toán tỉnh; 59% dự toán thành phố giao. *Cụ thể:*

a. Thu thường xuyên ước đạt: 685.321 triệu đồng; đạt 70% dự toán tỉnh; 65% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*

- Phần Chi cục Thuế quản lý thu ước đạt: 595.691 triệu đồng; đạt 73% dự toán tỉnh; 68% dự toán thành phố giao.

- Thu tại xã và thu khác ngân sách ước đạt: 14.135 triệu đồng; đạt 37% dự toán tỉnh và 34% thành phố giao.

- Phần Cục thuế thu trên địa bàn thành phố ước đạt: 75.495 triệu đồng; đạt 59% dự toán tỉnh và 58% thành phố giao

b. Thu tiền sử dụng đất ước đạt: 957.803 triệu đồng; đạt 83% dự toán tỉnh giao; 56% dự toán thành phố giao.

c. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên ước đạt: 185.000 triệu đồng; đạt 50% dự toán tỉnh và thành phố giao.

1.2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:

- Dự toán tỉnh giao: **1.912.091 triệu đồng.**
- Dự toán thành phố giao: **2.420.913 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt: **1.479.430 triệu đồng;** đạt 77,4% dự toán tỉnh giao; 61,1% so với dự toán thành phố giao, *bao gồm:*

- + Thu tiền sử dụng đất 652.004 triệu đồng.
- + Thu trừ tiền sử dụng đất 827.426 triệu đồng.

2. Thu, chi ngân sách cấp thành phố:

2.1. Thu điều tiết ngân sách cấp thành phố:

- Dự toán thành phố giao: **2.254.312 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt: **1.291.505 triệu đồng;** đạt 57% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Thu điều tiết từ nguồn thu thường xuyên ngân sách cấp thành phố ước đạt: 518.735 triệu đồng; đạt 60% dự toán thành phố giao.
 - + Thu điều tiết tiền từ nguồn thu tiền sử dụng đất ước đạt: 587.770 triệu đồng; đạt 57% dự toán thành phố giao.
 - + Thu bổ sung cân đối ngân sách ước đạt: 185.000 triệu đồng, đạt 50% dự toán tỉnh và thành phố giao.

2.2. Chi ngân sách thành phố:

- Dự toán giao: **2.254.312 triệu đồng;**
- Kết quả ước thực hiện 6 tháng đầu năm: **765.722 triệu đồng;** đạt 34,1% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Chi đầu tư: 170.933 triệu đồng; đạt 17,0% dự toán thành phố giao
 - + Chi thường xuyên: 534.090 triệu đồng; đạt 50,4% dự toán thành phố giao.
 - + Chi từ nguồn dự phòng ngân sách ước đạt 1.000 triệu đồng; đạt 5,2% dự toán thành phố giao (chủ yếu chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19.....)
 - + Chi bổ sung cân đối ngân sách phường, xã: 59.700 triệu đồng; đạt 50% dự toán thành phố giao.

3. Thu, chi ngân sách các phường xã trên địa bàn thành phố:

3.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Dự toán thành phố giao: **586.633 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt: **388.385 triệu đồng;** đạt 66% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Thu thường xuyên ước đạt: 264.455 triệu đồng; đạt 75% dự toán giao.
 - + Thu tiền sử dụng đất ước đạt: 64.230 triệu đồng; đạt 56% dự toán giao.
 - + Thu bổ sung cân đối ngân sách ước đạt: 59.700 triệu đồng, đạt 50% dự toán tỉnh và thành phố giao.

3.2. Thu điều tiết ngân sách phường, xã

- Dự toán thành phố giao: **285.957 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt: **187.925 triệu đồng;** đạt 66% so với dự toán thành phố giao, *bao gồm:* thu tiền sử dụng đất 64.230 triệu đồng, thu trừ tiền sử dụng đất 123.704 triệu đồng.

3.3. Chi ngân sách phường, xã:

- Dự toán giao: **285.957 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện: **145.883 triệu đồng;** đạt 51% dự toán thành phố giao.

4. Nhận xét chung:

4.1. Kết quả đạt được:

*** Về thu ngân sách:**

Trong 6 tháng đầu năm, kết quả ước thực hiện thu NSNN và thu điều tiết NSTP đạt kết quả cao so với dự toán giao; số thu điều tiết NSTP đạt 60% dự toán thành phố giao, đảm bảo nhiệm vụ thu được Ban chấp hành Đảng bộ thành phố giao (đạt trên 55%). Trong đó, một số khoản thu có tỷ trọng lớn trong tổng thu có số thu đạt cao so với dự toán thành phố giao như:

- Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh ước đạt 320.809 triệu đồng; đạt 88% thành phố giao.
- Thuế thu nhập cá nhân đạt 90.604 triệu đồng; đạt 86% thành phố giao.
- Thu tiền sử dụng đất điều 6 tháng đầu năm đạt 957.803 triệu đồng, đạt 83% dự toán tỉnh giao, 56% dự toán thành phố giao.

*** Về chi ngân sách:**

Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nguồn thu điều tiết ngân sách địa phương được hưởng theo quy định. Các đơn vị thụ hưởng ngân sách chủ động thực hiện tiết kiệm chi ngân sách, nhất là chi thường xuyên ngân sách; hạn chế kinh phí hội họp, tiếp khách; tập trung nguồn lực để đảm bảo chi cho các nhiệm vụ thiết yếu. Các chế độ an sinh xã hội, lương phụ cấp cho cán bộ công nhân viên, người lao động cũng như kinh phí đảm bảo cho công tác phòng chống dịch Covid-19 được đảm bảo.

UBND thành phố đã chủ động điều hành chi NSTP đảm bảo theo đúng Nghị quyết của HĐND thành phố giao và trên cơ sở nguồn thu NSNN, thu điều tiết NSTP 6 tháng đầu năm 2022 của thành phố.

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Tồn tại, hạn chế

*** Về thu ngân sách**

- Số thu tiền sử dụng đất 6 tháng đầu năm chủ yếu là thu từ các mặt bằng khai thác quỹ đất do cấp tỉnh thực hiện đấu giá từ cuối năm 2021 (dự án Khu dân cư dọc 2 bên đường dự án CSEDP thuộc Khu đô thị Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa 351.883 triệu đồng; dự án Khu nhà ở chung cư thuộc khu dân cư Tây

nam chợ Quảng Thắng 19.561 triệu đồng, dự án Khu dân cư phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa 16.242 triệu đồng) và số thu từ xử lý số dư trên tài khoản tạm giữ tiền sử dụng đất của phòng Tài chính - Kế hoạch 331.174 triệu đồng. Số thu tiền sử dụng đất tại các dự án do thành phố thực hiện đấu giá còn thấp, 6 tháng đầu năm thành phố đấu giá thành công 03 mặt bằng với tổng số thu tiền sử dụng đất là 227,5 tỷ đồng; số đã nộp trong 6 tháng đầu năm là 116.301 triệu đồng, chiếm 12% tổng thu tiền sử dụng đất.

- Một số chỉ tiêu thu 6 tháng đầu năm còn đạt thấp so với dự toán giao như: Khoản thu tiền thuê mặt đất, mặt nước ước đạt 31% dự toán tính giao, 23% dự toán thành phố giao; lệ phí trước bạ ước đạt 47% dự toán tính giao và 45% dự toán thành phố giao.

- Thu điều tiết ngân sách phường, xã còn một số đơn vị với tổng số thu điều tiết được giao chiếm 15% tổng dự toán thu điều tiết ngân sách phường, xã đạt thấp (đạt dưới 40% dự toán UBND thành phố giao) như: Thiệu Khánh 23,1%; Thiệu Vân 24,3%; Hàm Rồng 24,5%; Đông Sơn 27,9%; Hoàng Quang 28,0%; Quảng Thành 30,3%; Trường Thi 30,6%; Quảng Đông 30,7%; Đông Lĩnh 33,4%; Long Anh 33,8%; Ngọc Trạo 35,1%; Quảng Hưng 37%; Đông Tân 38,1% và Tào Xuyên 38,8%.

** Về chi ngân sách*

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách thành phố còn chậm, chỉ đạt 17% kế hoạch. Tính đến 15/6/2022, còn 24 chủ đầu tư chưa thực hiện giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch.

b. Nguyên nhân

- Bên cạnh những ảnh hưởng khách quan như tác động của dịch Covid-19; giá cả nguyên, nhiên, vật liệu tăng mạnh; quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cũng như các chính sách GPMB còn một số khó khăn, bất cập..... thì việc triển khai thực hiện GPMB và đầu tư hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị được giao còn thiếu quyết liệt, đồng bộ, tinh thần trách nhiệm chưa cao nên đã gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ hoàn thành và đấu giá các dự án do thành phố thực hiện cũng như ảnh hưởng lớn đến việc chậm giải ngân vốn đầu tư công thuộc NSTP trong 6 tháng đầu năm.

- Công tác chỉ đạo tại một số phường, xã chưa thực sự quyết liệt. Cùng với việc triển khai áp dụng miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ ảnh hưởng không nhỏ đến số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022.

- Tình hình lạm phát, giá nguyên liệu đầu vào tăng, giá xăng, dầu ngày càng leo thang cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân trên địa bàn.

II. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm.

1. Về nhiệm vụ:

1.1 Thu ngân sách:

a. Theo dự toán được UBND tỉnh giao: 673.049 triệu đồng

b. Theo dự toán được HĐND thành phố giao: 1.284.482 triệu đồng

Trong đó:

- Thu thường xuyên: 361.802 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 739.969 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 182.711 triệu đồng.

c. Chỉ tiêu phấn đấu (thu NSNN tăng 10% và số thu điều tiết NSTP tăng tối thiểu 5% so với dự toán HĐND thành phố giao): 1.376.261 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu thường xuyên: 466.514 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 909.746 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 182.711 triệu đồng.

d. Thời gian hoàn thành:

Trên cơ sở dự toán được UBND tỉnh, HĐND thành phố, Ban chấp hành Đảng bộ thành phố giao và kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm; UBND thành phố đặt mục tiêu phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSNN, thu NSDP trước ngày 30/11/2022.

1.2 Chi ngân sách:

Tăng cường giải ngân vốn đầu tư công thuộc NSTP, đảm bảo hoàn thành dự toán được HĐND thành phố giao.

Trên cơ sở tình hình thu NSNN trên địa bàn và nguồn thu NSDP được hưởng, UBND thành phố sẽ tập trung chỉ đạo điều hành thu chi ngân sách để đảm bảo những nhiệm vụ chi thiết yếu của thành phố như: Chi cho con người, an sinh xã hội, đảm bảo xã hội, phòng chống dịch bệnh và các nhiệm vụ chi đột xuất khác của thành phố.

2. Giải pháp thực hiện thu NSNN; thu, chi NSDP 6 tháng cuối năm.

2.1. Về thu NSNN và thu điều tiết NSDP:

Để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2022, đảm bảo tổng thu NSN tăng 10%, thu điều tiết NSTP tăng tối thiểu 5%; các cấp, các ngành, các phòng ban cần tập trung thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Các địa phương, đơn vị chủ động, quyết liệt, tập trung thực hiện các giải pháp về thu NSNN trong điều hành thu chi ngân sách năm 2022. Phối hợp chặt chẽ với ngành thuế trong việc triển khai các giải pháp thu NSNN trên địa bàn.

- Chi cục Thuế khu vực thành phố Thanh Hóa – Đông Sơn chủ động, quyết liệt, tích cực trong việc thực hiện các giải pháp thu NSNN trên địa bàn.

Thường xuyên, liên tục, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND thành phố tình hình thực hiện thu NSNN hàng tháng, dự báo ảnh hưởng của việc thực hiện Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 và Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 đến thu NSNN trên địa bàn để kịp thời có chỉ đạo thực hiện các giải pháp thu phù hợp. Tăng cường khai thác, tìm kiếm các nguồn thu để tăng nguồn thu, bù đắp hụt thu.

- Các đơn vị được giao triển khai thực hiện các dự án, nhất là các dự án nằm trong kế hoạch đầu giá năm 2022 của thành phố cần chủ động, quyết liệt, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo các chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố tại các văn bản đã ban hành. Đồng thời khẩn trương thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng tiến độ thực hiện gắn với kế hoạch giải ngân của từng dự án; chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của các dự án được giao phù hợp tiến độ thực hiện; đảm bảo hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được giao.

2. Về chi ngân sách

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSNN; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, rào cản trong quản lý đầu tư và xây dựng, nhất là vướng mắc về GPMB các dự án trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức thực hiện dự toán chi theo hướng dẫn tại công văn số 12/TCKH-QLNS ngày 07/01/2022 của Phòng Tài chính kế hoạch thành phố hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi cho các nội dung kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước và thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên khác còn lại của năm 2022.

Trên đây là Báo cáo tình hình ước thực hiện thu NSNN; thu, chi NSDP 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của thành phố Thanh Hóa (*Báo cáo này thay thế Báo cáo số 785/BC-UBND ngày 29/6/2022 của UBND thành phố*).

Nơi nhận:

- Ban chấp hành Đảng bộ TP (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP (b/c);
- Trưởng các phòng, ban, đoàn thể TP;
- Lưu: VT

**TM. UBND THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Huy Triều

**Biểu 01: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Thu ngân sách nhà nước					Thu điều tiết ngân sách thành phố			Ghi chú
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND Thành phố giao	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh		Dự toán HĐND thành phố giao	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh	
					So với DT tỉnh giao	So với DT HĐND TP giao				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)	(11)
	Tổng thu NSNN	2.501.173	3.112.606	1.828.124	73%	59%	2.254.312	1.291.505	57%	
*	<i>Thu không thường xuyên</i>	1.517.711	2.065.483	1.142.803	75%	55%	1.392.563	772.770	55%	
**	<i>Thu thường xuyên</i>	983.462	1.047.123	685.321	70%	65%	861.749	518.735	60%	
A	Cục thuế Thu	127.139	130.770	75.495	59%	58%	75.772	45.025	59%	
-	Phí môn bài	3.115	3.115	3.569	115%	115%	3.115	3.569	115%	
-	Thuế tài nguyên	5.706	5.706	7.191	126%	126%	5.706	7.191	126%	
-	Tiền thuê đất	97.330	100.961	54.043	56%	54%	47.815	25.174	53%	
-	Tiền cấp quyền KTKS	2.829	2.829	2.031	72%	72%	1.384	1.016	73%	
-	Phí BVMT đối với KTKS	1.359	1.359	1.955	144%	144%	951	1.369	144%	
-	Phí BVMT đối với nước thải SH	16.800	16.800	6.706	40%	40%	16.800	6.706	40%	
B	Chi cục thuế thành phố thu	1.967.742	2.573.044	1.553.494	79%	60%	1.780.998	1.049.639	59%	
I	Thu tiền sử dụng đất	1.150.000	1.697.772	957.803	83%	56%	1.024.852	587.770	57%	
-	Phần thu để chi đầu tư hạ tầng và GPMB các dự án khai thác quỹ đất	200.000	581.964	346.204	173,1%	59,5%	581.964	346.204	59,5%	
-	Phần thu phân chia các cấp NS	950.000	1.115.808	611.599	64,4%	54,8%	442.888	241.566	54,5%	
II	Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất	817.742	875.272	595.691	73%	68%	756.146	461.869	61%	
1	Thu từ các DNNN	4.050	4.050	1.293	32%	32%	0			
2	Thuế CTN NQD	339.000	364.000	320.809	95%	88%	361.248	252.007	70%	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	19.665	24.195	7.707	39%	32%	15.825	5.457	34%	
4	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	35.527	48.027	11.146	31%	23%	24.146	5.534	23%	
-	<i>Nộp tiền 1 lần</i>	7.500	20.000		0%	0%	6.000		0%	
-	<i>Nộp tiền hàng năm</i>	19.675	19.675	11.146	57%	57%	9.794	5.534	57%	
-	<i>Ghi thu ghi chi chi phí GPMB nhà đầu tư ứng trước</i>	8.352	8.352	0	0%	0%	8.352	0	0%	
5	Lệ phí trước bạ	289.000	299.000	134.890	47%	45%	243.822	109.730	45%	
-	<i>Trước bạ nhà đất</i>	50.000	50.000	21.445	43%	43%	44.622	18.974	43%	
-	<i>Trước bạ khác</i>	239.000	249.000	113.445	47%	46%	199.200	90.756	46%	

Biểu 02: ƯỚC CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022*(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)**ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Dự toán HĐND TP giao	Ước thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ	
				So với dự toán HĐND giao	So với cùng kỳ
	TỔNG CỘNG	2.254.312	765.556	34,0%	79,4%
A	Chi ngân sách thành phố	2.134.957	705.856	33,1%	76,9%
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.004.757	170.933	17,0%	38,3%
II	Chi thường xuyên	1.060.229	534.090	50,4%	114,1%
1	Chi quốc phòng	11.629	6.850	58,9%	112,1%
2	Chi an ninh	1.059	790	74,6%	105,3%
3	Chi sự nghiệp GD-ĐT	533.844	265.500	49,7%	111,0%
4	Chi sự nghiệp y tế	70.201	41.200	58,7%	102,9%
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin; PTTH, TDTT	14.474	7.150	49,4%	107,6%
6	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	99.441	50.150	50,4%	121,2%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	114.611	58.950	51,4%	163,3%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.457	69.500	49,8%	110,6%
9	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	57.161	29.500	51,6%	92,2%
10	Chi khác ngân sách	10.000	4.500	45,0%	149,6%
11	Ghi thu ghi chi	8.352	0	0,0%	
III	Dự phòng TX ngân sách	19.109	834	4,4%	20,9%
IV	Dự phòng đầu tư ngân sách	20.095	0	0,0%	0,0%
V	Chi cải cách tiền lương	30.768	0	0,0%	0,0%
B	Chi bổ sung cân đối NSPX	119.355	59.700	50,0%	129,5%

Biểu 04: BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 CỦA CÁC PHƯỜNG, XÃ

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Dự toán chi NSPX TP giao			Ước chi 6 tháng			So sánh với dự toán		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên		Chi đầu tư	Chi thường xuyên		Chi đầu tư	Chi thường xuyên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	285.957	115.017	170.940	145.883	70.892	74.991	51%	62%	44%
1	An Hưng	9.814	3.750	6.064	3.819	976	2.843	39%	26%	47%
2	Ba Đình	4.780	0	4.780	1.916	0	1.916	40%		40%
3	Điện Biên	9.865	4.858	5.007	3.000	1.180	1.820	30%	24%	36%
4	Đông Cương	10.163	5.208	4.955	2.292	0	2.292	23%	0%	46%
5	Đông Hải	24.355	19.199	5.156	7.329	5.000	2.329	30%	26%	45%
6	Đông Hương	25.845	20.573	5.272	2.328	158	2.170	9%	1%	41%
7	Đông Lĩnh	5.981	1.074	4.907	2.091	0	2.091	35%	0%	43%
8	Đông Sơn	9.333	4.000	5.333	5.218	2.700	2.518	56%	68%	47%
9	Đông Tân	4.741	0	4.741	12.571	10.110	2.461	265%		52%
10	Đông Thọ	9.585	2.957	6.628	5.560	2.780	2.780	58%	94%	42%
11	Đông Vệ	5.697	0	5.697	3.112	112	3.000	55%		53%
12	Hàm Rồng	8.398	3.900	4.498	1.860	0	1.860	22%	0%	41%
13	Lam Sơn	5.941	750	5.191	3.301	1.000	2.301	56%	133%	44%
14	Long Anh	9.486	3.696	5.790	2.674	414	2.260	28%	11%	39%
15	Nam Ngạn	10.825	5.513	5.312	2.259	0	2.259	21%	0%	43%
16	Ngọc Trạo	4.843	0	4.843	1.915	0	1.915	40%		40%
17	Phú Sơn	5.176	0	5.176	3.549	1.700	1.849	69%		36%
18	Quảng Cát	6.656	1.781	4.875	3.266	735	2.531	49%	41%	52%
19	Quảng Đông	6.876	2.308	4.568	7.580	5.447	2.133	110%	236%	47%
20	Quảng Hưng	12.239	7.446	4.793	2.153	0	2.153	18%	0%	45%
21	Quảng Phú	8.561	3.716	4.845	4.042	1.954	2.088	47%	53%	43%
22	Quảng Tâm	7.584	3.089	4.495	6.688	4.652	2.036	88%	151%	45%
23	Quảng Thắng	4.846	0	4.846	5.830	3.987	1.843	120%		38%
24	Quảng Thành	8.105	3.237	4.868	7.175	5.138	2.037	89%	159%	42%
25	Quảng Thịnh	4.596	0	4.596	6.239	4.190	2.049	136%		45%
26	Tân Sơn	4.979	0	4.979	3.849	1.683	2.166	77%		44%
27	Tào Xuyên	6.810	866	5.944	3.352	747	2.605	49%	86%	44%
28	Thiệu Dương	9.067	3.964	5.103	2.645	0	2.645	29%	0%	52%
29	Thiệu Khánh	7.619	2.827	4.792	2.323	0	2.323	30%	0%	48%
30	Trường Thi	5.181	0	5.181	3.486	1.500	1.986	67%		38%
31	Xã Đông Vinh	8.772	4.537	4.235	7.667	5.649	2.018	87%	125%	48%
32	Xã Hoàng Đại	8.595	4.115	4.480	7.973	6.200	1.773	93%	151%	40%
33	X. Hoàng Quang	6.385	1.653	4.732	2.085	0	2.085	33%	0%	44%
34	Xã Thiệu Vân	4.258	0	4.258	4.736	2.880	1.856	111%		44%

Biểu 03: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG, XÃ

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước			Thu điều tiết ngân sách phường, xã								
		Dự toán thu NSNN TP giao	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước TH/DT	Dự toán HĐND thành phố giao			Ước thực hiện 6 tháng			SS ước TH/DT (%)		
					Tổng số	Trong đó		Tổng thu NSNN	Trở		Tổng cộng	Trở	
						Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9)/(6)	(13)=(10)/(7)	(14)=(11)/(8)
	Tổng số	586.633	388.385	66%	285.957	115.017	51.584	187.925	64.222	29.522	66%	56%	57%
1	An Hưng	19.580	9.118	47%	9.814	3.750	1.728	4.645	83	2.758	47%	2%	160%
2	Ba Đình	21.914	8.383	38%	4.780	0	3.351	2.027	-	1.392	42%		42%
3	Điện Biên	30.133	16.840	56%	9.865	4.858	3.398	2.553	-	1.834	26%	0%	54%
4	Đông Cương	14.687	6.136	42%	10.163	5.208	889	3.031	153	430	30%	3%	48%
5	Đông Hải	53.461	44.902	84%	24.355	19.199	3.219	9.792	130	4.513	40%	1%	140%
6	Đông Hương	54.173	29.420	54%	25.845	20.573	3.140	6.498	2.697	2.866	25%	13%	91%
7	Đông Lĩnh	7.533	2.776	37%	5.981	1.074	563	2.059	6	188	34%	1%	33%
8	Đông Sơn	14.022	6.288	45%	9.333	4.000	1.092	4.909	107	305	53%	3%	28%
9	Đông Tân	9.155	21.104	231%	4.741	0	995	2.871	875	379	61%		38%
10	Đông Thọ	38.340	20.297	53%	9.585	2.957	4.518	5.725	115	1.846	60%	4%	41%
11	Đông Vệ	43.763	29.700	68%	5.697	0	3.564	13.352	10.356	1.925	234%		54%
12	Hàm Rồng	13.056	3.711	28%	8.398	3.900	841	2.378	14	206	28%	0%	24%
13	Lam Sơn	31.181	16.682	54%	5.941	750	4.475	3.796	544	1.893	64%	73%	42%
14	Long Anh	10.880	3.592	33%	9.486	3.696	534	2.805	32	180	30%	1%	34%
15	Nam Ngạn	17.479	7.022	40%	10.825	5.513	1.279	2.882	407	732	27%	7%	57%
16	Ngọc Trạo	16.467	6.868	42%	4.843	0	1.847	2.173	192	649	45%		35%
17	Phú Sơn	13.050	9.927	76%	5.176	0	1.599	4.642	332	765	90%		48%
18	Quảng Cát	7.401	3.282	44%	6.656	1.781	323	2.706	-	757	41%	0%	234%
19	Quảng Đông	9.031	8.219	91%	6.876	2.308	566	7.282	-	174	106%	0%	31%
20	Quảng Hưng	19.787	9.698	49%	12.239	7.446	1.591	2.193	227	588	18%	3%	37%
21	Quảng Phú	10.359	4.146	40%	8.561	3.716	504	2.613	517	235	31%	14%	47%
22	Quảng Tâm	10.623	4.694	44%	7.584	3.089	711	3.206	1.048	456	42%	34%	64%
23	Quảng Thắng	9.913	15.157	153%	4.846	0	1.051	12.616	7.535	427	260%		41%
24	Quảng Thành	17.813	32.809	184%	8.105	3.237	1.645	28.748	26.601	498	355%	822%	30%
25	Quảng Thịnh	9.214	8.335	90%	4.596	0	826	5.961	951	412	130%		50%

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước			Thu điều tiết ngân sách phường, xã								
		Dự toán thu NSNN TP giao	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước TH/DT	Dự toán HĐND thành phố giao			Ước thực hiện 6 tháng			SS ước TH/DT (%)		
					Tổng số	Trong đó		Tổng thu NSNN	Trở		Tổng cộng	Trở	
						Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên
26	Tân Sơn	12.166	9.312	77%	4.979	0	1.553	4.321	382	829	87%		53%
27	Tào Xuyên	10.294	6.650	65%	6.810	866	792	4.970	1.684	307	73%	194%	39%
28	Thiệu Dương	10.473	3.889	37%	9.067	3.964	456	2.214	-	245	24%	0%	54%
29	Thiệu Khánh	8.419	2.362	28%	7.619	2.827	381	1.985	-	88	26%	0%	23%
30	Trường Thi	11.655	5.915	51%	5.181	0	1.511	3.556	13	462	69%		31%
31	Xã Đông Vinh	10.389	6.922	67%	8.772	4.537	717	5.866	394	472	67%	9%	66%
32	Xã Hoằng Đại	8.729	17.018	195%	8.595	4.115	420	16.893	8.648	316	197%	210%	75%
33	X. Hoằng Quang	6.895	2.303	33%	6.385	1.653	796	1.909	-	223	30%	0%	28%
34	Xã Thiệu Vân	4.598	4.908	1	4.258	-	709	4.748	179	172	112%		24%

PHỤ LỤC

BÁO CÁO CHI TIẾT SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày / /2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Dự toán đầu năm		19.108.000.000	
II	Dự toán được phân bổ, sử dụng		15.286.000.000	
	<i>80% dự toán đầu năm được phân bổ</i>		<i>15.286.000.000</i>	
III	Dự toán sử dụng		833.763.200	
1	Kinh phí phòng, chống dịch Covid 19		529.347.200	
-	Kinh phí tuyên truyền Covid-19	Trung tâm VHTT TT & DL thành phố	69.400.000	
-	Kinh phí đảm bảo vật tư cho tiêm vaccin phòng Covid-19 cho 51.745 trẻ từ 5- 12 tuổi (103.490 liều vắc xin)	Trung tâm y tế thành phố	315.491.200	
-	Kinh phí đảm bảo vật tư cho tiêm vaccin phòng Covid-19 nhắc lại lần 2 - mũi 4 (110.115 liều vắc xin)	Trung tâm y tế thành phố	144.456.000	
2	Kinh phí Quốc phòng		304.416.000	
-	Kinh phí đảm bảo điều động dân quân cơ động trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ dịp lễ Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4) và Quốc tế Lao động (01/5) trên địa bàn thành phố	Ban CHQS thành phố	304.416.000	
IV	Dự toán còn lại (II-III)		14.452.236.800	